

Số: 512/2020/QĐST- HNGĐ

Thành phố H, ngày 16 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H- TỈNH THỪA THIÊN H.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 504/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- A Nguyễn Hữu T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn Bình D, xã Hương Bình, thị xã Hương Tr, tỉnh Thừa Thiên H.

- Chị Phạm Thị Phương A, sinh năm 1991; Nơi cư trú: 157 Lê D, phường Phú Th thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: A Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị Phương A kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và A, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Th, thành phố H ngày 15/9/2017. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của A T, chị Phương A là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng quan điểm sống, nên đã không sống chung với nhau hơn 06 tháng nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không khắc phục được nên T, chị Phương A cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: A Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị Phương A xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu Bảo Q, sinh ngày 23/6/2019. A T, chị Phương A thỏa thuận giao cháu Q cho chị Phương A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên. A T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Quân 2.000.000 đồng / tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: A Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị Phương A xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: A Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị Phương A mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 06/11/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của A Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị Phương A.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Hữu Bảo Q, sinh ngày 23/6/2019 cho chị Phạm Thị Phương A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên. A Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Q 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/ tháng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: A Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị Phương A xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: A Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị Phương A mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà A Nguyễn Hữu T và chị Phạm Thị Phương A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000612 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự

và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND P Phú Thuận, TP H;
(ĐKKH ngày 15/9/2017);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh